

Số: **85** /TTr-UBND

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2015

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt mức thu học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

A. Sự cần thiết, căn cứ pháp lý và quy trình xây dựng Nghị quyết

I. Sự cần thiết

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015, HĐND thành phố Hà Nội đã có Nghị quyết số 14/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012 về việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội. Trong đó đã quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội bằng mức thấp nhất trong khung học phí do Chính phủ quy định.

Nhìn chung, các văn bản chính sách về học phí đã tạo được hành lang pháp lý để tăng cường quản lý thu chi học phí ở các cơ sở giáo dục. Nguồn thu học phí đã hỗ trợ một phần cho ngân sách nhà nước để đáp ứng nhu cầu dạy và học của các nhà trường. Mặt khác, mức thu học phí ở mức thấp nhất theo quy định đã tạo điều kiện tốt nhất cho trẻ có cơ hội tới trường.

Ngày 02/10/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 86/2015/NĐ-CP về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020-2021 thay thế Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó đã điều chỉnh các quy định về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Xuất phát từ những lý do trên, UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố quyết định ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết 14/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012 để phù hợp với các quy định mới của Trung ương.

II. Căn cứ pháp lý

1. Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009.
2. Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012.
3. Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014.
4. Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

III. Quy trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, UBND Thành phố có Công văn số 7244/UBND-VX ngày 14/10/2015 về việc triển khai thực hiện Nghị định 86/2015/NĐ-CP, trong đó giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính và UBND các quận, huyện, thị xã triển khai, thực hiện Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố, Liên Sở: Giáo dục và Đào tạo - Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội đã phối hợp, rà soát và có Tờ trình liên ngành số 10335/LN:GD&ĐT-TC-LĐTB&XH ngày 05/11/2015 về việc triển khai Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ (Kèm theo dự thảo Tờ trình UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố và dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố), báo cáo UBND Thành phố, đồng thời gửi Sở Tư pháp thẩm định.

Ngày 06/11/2015, Sở Tư pháp đã có Công văn số 334/STP-VBPQ báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định về mức thu học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

Ngày 09/11/2015, tập thể UBND Thành phố đã họp thống nhất các nội dung về việc triển khai Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Tiếp thu ý kiến của các đại biểu tại cuộc họp, Liên Sở: Giáo dục và Đào tạo - Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội đã tiếp thu và có tờ Trình số 10538/LN:GD&ĐT-TC-LĐTB&XH ngày 16/11/2015 về việc triển khai Nghị định 86/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 của thành phố Hà Nội.

B. Mức thu học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021

I. Đối tượng áp dụng

- Trẻ em học mầm non, học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh đang học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành

phố Hà Nội theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và Luật Giáo dục nghề nghiệp.

II. Quy định học phí

1. Thu học phí đối với các chương trình giáo dục đại trà cấp học mầm non và giáo dục phổ thông công lập.

1.1. Nguyên tắc xác định học phí

- Mức thu học phí phải phù hợp với điều kiện kinh tế của từng địa bàn dân cư, khả năng đóng góp thực tế của người dân và tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng hàng năm.

- Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông phải công bố công khai mức học phí cho từng năm học.

1.2. Mức thu học phí đối với các chương trình giáo dục đại trà cấp học mầm non và giáo dục phổ thông

- Theo quy định của Trung ương

+ Tại điều 4 Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định: Khung học phí đối với các chương trình giáo dục đại trà cấp học mầm non và giáo dục phổ thông công lập năm học 2015 - 2016 được quy định như sau:

Đơn vị: 1.000 đồng/tháng/học sinh

Vùng	Năm học 2015 - 2016
1. Thành thị	Từ 60 đến 300
2. Nông thôn	Từ 30 đến 120
3. Miền núi	Từ 8 đến 60

+ Từ năm học 2016 - 2017 trở đi, học phí được điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo.

+ Các cơ sở giáo dục thường xuyên được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của các trường phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

+ Căn cứ vào khung học phí do Chính phủ quy định, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức học phí cụ thể hàng năm phù hợp với thực tế của các vùng trên địa bàn của mình.

- Đề xuất của UBND Thành phố

Đề nghị HĐND Thành phố thông qua mức thu học phí đối với chương trình giáo dục đại trà cấp học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội với các nội dung sau:

+ Đối với mức thu học phí năm học 2015-2016 (áp dụng thực hiện từ 01/01/2016).

Để mức thu học phí mới không quá đột biến so với mức thu hiện nay, đảm bảo tính ổn định và an sinh xã hội, UBND Thành phố đề xuất: Mức thu học phí năm học 2015 - 2016 bằng mức thấp nhất trong khung học phí của Chính phủ tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

Đơn vị: đồng/tháng/học sinh

Bậc học	Vùng	Mức thu hiện tại	Khung học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP	Mức thu đề xuất năm học 2015-2016
Nhà trẻ; Mẫu giáo; Trung học cơ sở; Trung học phổ thông; Giáo dục thường xuyên cấp THCS; Giáo dục thường xuyên cấp THPT	Thành thị	40.000	60.000 - 300.000	60.000
	Nông thôn	20.000	30.000 - 120.000	30.000
	Miền núi	Không thu	8.000 - 60.000	8.000

+ Đối với mức thu từ năm học 2016-2017: UBND Thành phố sẽ giao cho các Sở, Ngành tiến hành rà soát, tính toán đề xuất mức thu học phí phù hợp với điều kiện kinh tế của từng địa bàn dân cư, khả năng đóng góp thực tế của người dân và tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng hàng năm, trình UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố quyết định.

2. Thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao

2.1. Quy định của Trung ương

Tại Khoản 4 Điều 4 Nghị định 86/2015/NĐ-CP quy định: Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập chất lượng cao chủ động xây dựng mức học phí tương xứng để trang trải chi phí đào tạo, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và thực hiện Quy chế công khai do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

2.2. Đề xuất của UBND Thành phố

Học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao thực hiện theo Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô.

3. Thu học phí đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp-công lập

3.1. Nguyên tắc xác định học phí

- Học phí của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định của Chính phủ được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành và lộ trình tính đủ chi phí đào tạo. Học phí của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường

xuân và chi đầu tư theo quy định của Chính phủ được xác định trên cơ sở tính toán có sự cân đối giữa hỗ trợ của Nhà nước và đóng góp của người học, thực hiện theo lộ trình giảm dần bao cấp của Nhà nước.

- Các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp phải công bố công khai mức học phí cho từng năm học cùng với dự kiến cho cả khóa học.

3.2. Học phí đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập

- Theo quy định của Trung ương

Tại điều 5 Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định mức trần học phí đối với đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục công lập theo các khối ngành, chuyên ngành đào tạo từ năm học 2015-2016 đến 2020-2021.

Trong đó tại khoản 6 Điều 5 Nghị định 86/2015/NĐ-CP có quy định thu học phí đối với các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập: UBND cấp tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định về mức học phí cụ thể đối với các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của địa phương.

- Đề xuất của UBND Thành phố

Năm học 2015-2016, do các trường đã thực hiện thu học phí đối với học sinh, sinh viên, đồng thời mức thu bằng hoặc thấp hơn mức trần học phí theo quy định tại Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ; vì vậy, để đảm bảo tính ổn định và an sinh xã hội, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quyết định mức thu học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập bằng với mức thu học phí các trường đang thực hiện cho năm học 2015-2016 (*chi tiết mức thu của các trường theo phụ lục đính kèm*).

Đối với mức thu học phí năm học 2016-2017 và các năm tiếp theo: UBND Thành phố sẽ xác định mức thu học phí của các trường đảm bảo theo đúng nguyên tắc của Chính phủ trình HĐND Thành phố thông qua tại kỳ họp sau.

III. Về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập

1. Quy định Thành phố đang thực hiện

Trong Nghị quyết số 14/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012 của HĐND Thành phố về việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội có quy định cụ thể đối tượng được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo đúng quy định tại Nghị định 49/2010/NĐ-CP; ngoài ra có bổ sung thêm đối tượng được miễn học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh ở 13 xã miền núi khó khăn và 2 xã giữa sông. Đây là chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội vận dụng dựa trên quy định tại điểm 2, Điều 4 Nghị định 49/2010/NĐ-CP về đối tượng được miễn học phí và hỗ trợ chi phí học tập “*Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên có cha mẹ thường trú tại các xã biên giới, vùng cao, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn*”.

2. Quy định tại Nghị định 86/2015/NĐ-CP

Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ đã quy định cụ thể các đối tượng được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, trong đó đã bãi bỏ đối tượng “*Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên có cha mẹ thường trú tại các xã biên giới, vùng cao, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn*”.

3. Đề xuất của UBND Thành phố

Thực hiện chủ trương và các quy định mới của Trung ương, UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố xem xét, giao UBND Thành phố tổ chức triển khai thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho đối tượng theo đúng quy định tại Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Trung ương; riêng đối với đối tượng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo chuẩn nghèo, chuẩn cận nghèo của Thành phố.

IV. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện mức thu học phí: Từ 01/01/2016

Thời gian thực hiện chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập: Từ 01/12/2015.

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy; đề
- Đ/c Chủ tịch UBND TP; báo cáo
- Các PCT UBND TP;
- Ban VHXX, Ban KTNS- HĐND TP;
- Sở GD&ĐT, KH&ĐT, TC; LĐT BXH, TP;
- CVP, PCVP Ph.V.Chiến,
- Phòng: VX, KT, TH;
- Lưu: VT, VX_{chiến}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Sơn

Phụ lục .

MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI TRÀ CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VÀ TRUNG CẤP THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo tờ trình số



TR/UBND ngày 20/11/2015 của UBND Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/tháng/sinh viên

STT	Nội dung	Mức thu học phí		Đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp
		Trung cấp	Cao đẳng	
1	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội			UBND TP
1.1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:			
	- Việt Nam học, công tác xã hội		440	
	- Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc		440	
1.2	Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:			
	- Công nghệ thông tin		520	
2	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội			UBND TP
	Y dược:			
	- Điều dưỡng; Hộ sinh.	560	640	
	- Dược; Xét nghiệm; Hình ảnh y học.		640	
	- Dược sỹ.	560		
3	Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông			UBND TP
	Y dược:			
	- Điều dưỡng; Hộ sinh.	560	640	
	- Dược; Xét nghiệm.	560	640	
	- Y sỹ.	560		
4	Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc thành phố Hà Nội			UBND TP
	Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:			
	- Cắt gọt kim loại; Hàn.	110	160	
	- Công nghệ ô tô.	130	180	
	- Điện công nghiệp; Điện tử công nghiệp; Cơ điện tử.	120	170	
	- Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính; Vẽ và thiết kế trên máy tính.	120	170	
5	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội			UBND TP
	Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:			
	- Biểu diễn nhạc cụ truyền thống; biểu diễn nhạc cụ phương tây; Piano; Violon; Thanh nhạc.	400	430	
	- Diễn viên múa.	400		
	- Biên đạo múa.		430	
	- Diễn viên kịch - điện ảnh.		430	

STT	Nội dung	Mức thu học phí		Đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp
		Trung cấp	Cao đẳng	
	- Hội họa; Thiết kế thời trang.	400	430	
	- Thiết kế đồ họa.		430	
	- Văn hóa du lịch; Quản lý văn hóa; Truyền thông đa phương tiện.		430	
6	Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội			UBND TP
6.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>			
	<i>Năm thứ nhất</i>			
	- Kế toán doanh nghiệp; Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ.	250	250	
	<i>Năm thứ hai</i>			
	- Kế toán doanh nghiệp; Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ.	300	300	
	<i>Năm thứ ba</i>			
	- Kế toán doanh nghiệp; Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ.		350	
	<i>Đào tạo tại các trung tâm Giáo dục thường xuyên</i>			
	- Kế toán doanh nghiệp	50		
6.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>			
	<i>Năm thứ nhất</i>			
	- Điện tử công nghiệp; Điện công nghiệp; Kỹ thuật lắp ráp sửa chữa máy tính; Kỹ thuật lắp đặt và điều khiển điện trong công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.	250	250	
	- Thiết kế đồ họa; Quản trị dữ liệu cơ sở; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Thiết kế trang Web	250	250	
	- Cắt gọt kim loại; Hàn.	250	250	
	- Cơ điện tử; Vẽ và thiết kế trên máy tính; Công nghệ ô tô.	250	250	
	- Chăm sóc sắc đẹp.	500	580	
	<i>Năm thứ hai</i>			
	- Điện tử công nghiệp; Điện công nghiệp; Kỹ thuật lắp ráp sửa chữa máy tính; Kỹ thuật lắp đặt và điều khiển điện trong công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.	300	300	
	- Thiết kế đồ họa; Quản trị cơ sở dữ liệu; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Thiết kế trang Web.	300	300	
	- Cắt gọt kim loại; Hàn.	350	350	
	- Cơ điện tử; Vẽ và thiết kế trên máy tính; Công nghệ ô tô.	300	300	
	- Chăm sóc sắc đẹp.	500	580	
	<i>Năm thứ ba</i>			
	- Điện tử công nghiệp; Điện công nghiệp; Kỹ thuật lắp ráp sửa chữa máy tính; Kỹ thuật lắp đặt và điều khiển điện trong công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.		350	

STT	Nội dung	Mức thu học phí		Đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp
		Trung cấp	Cao đẳng	
	- Thiết kế đồ họa; Quản trị cơ sở dữ liệu; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Thiết kế trang Web.		350	
	- Cắt gọt kim loại; Hàn.		400	
	- Cơ điện tử; Vẽ và thiết kế trên máy tính; Công nghệ ô tô.		350	
	- Chăm sóc sắc đẹp.		580	
	Đào tạo tại các trung tâm Giáo dục thường xuyên			
	- Điện tử công nghiệp; Điện công nghiệp; Kỹ thuật lắp ráp sửa chữa máy tính; Kỹ thuật lắp đặt và điều khiển điện trong công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.	50		
	- Thiết kế đồ họa; Quản trị cơ sở dữ liệu; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Thiết kế trang Web.	50		
	- Cơ khí chế tạo; Hàn.	50		
	- Cơ điện tử; Vẽ và thiết kế trên máy tính; Công nghệ ô tô.	50		
	- Chăm sóc sắc đẹp.	50		
7	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội			UBND TP
7.1	Học kỳ I			
7.1.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>			
	- Kinh doanh thương mại; Kế toán.		440	
	- Quản trị thương mại điện tử; Quản trị kinh doanh.		440	
	- Tiếng Anh thương mại; Tiếng Anh; Tiếng Anh Du lịch - Khách sạn.		440	
	- Kinh doanh thương mại và Dịch vụ.	385		
	- Kế toán doanh nghiệp.	385		
7.1.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>			
	- Tin học Ứng dụng.		440	
	- Quản trị kinh doanh khách sạn; Quản trị chế biến món ăn; Quản trị dịch vụ Du lịch và lữ hành.		440	
	- Kỹ thuật chế biến món ăn; Quản lý và kinh doanh khách sạn; Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn.	385		
7.2	Học kỳ II			
7.2.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>			
	- Kinh doanh Thương mại; Kế toán.		490	
	- Quản trị Thương mại điện tử; Quản trị kinh doanh.		490	
	- Tiếng Anh thương mại; Tiếng Anh; Tiếng Anh Du lịch - Khách sạn.		490	
	- Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ.	430		
	- Kế toán doanh nghiệp.	430		

STT	Nội dung	Mức thu học phí		Đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp
		Trung cấp	Cao đẳng	
7.2.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>			
	- Tin học Ứng dụng		490	
	- Quản trị kinh doanh khách sạn; Quản trị chế biến món ăn; Quản trị dịch vụ Du lịch và lữ hành		490	
	- Kỹ thuật chế biến món ăn; Quản lý và kinh doanh khách sạn; Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn	430		
8	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây			UBND TP
8.1	Học kỳ I			
8.1.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>			
	- Khoa học cây trồng; Kinh doanh nông nghiệp; Quản lý đất đai	135	430	
	- Kế toán; Tài chính ngân hàng.	135	430	
	- Tiếng Anh.	135	430	
	- Bảo vệ thực vật; Lâm nghiệp.	135	430	
8.1.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>			
	- Chăn nuôi; Dịch vụ thú y.	135	480	
	- Tin học ứng dụng; Công nghệ thực phẩm.	135	480	
	- Quản trị kinh doanh du lịch, khách sạn.	135	480	
	- Công nghệ kỹ thuật Điện- Điện tử; Công nghệ kỹ thuật nhiệt.	135	480	
	- Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông.	135	480	
	- Công nghệ kỹ thuật môi trường; Công nghệ sinh học; Công nghệ sau thu hoạch.	135	480	
8.2	Học kỳ II			
8.2.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>			
	- Khoa học cây trồng; Kinh doanh nông nghiệp; Quản lý đất đai	135	490	
	- Kế toán; Tài chính ngân hàng.	135	490	
	- Tiếng Anh.	135	490	
	- Bảo vệ thực vật; Lâm nghiệp.	135	490	
8.2.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>			
	- Chăn nuôi; Dịch vụ thú y.	135	580	
	- Tin học ứng dụng; Công nghệ thực phẩm.	135	580	
	- Quản trị kinh doanh du lịch, khách sạn.	135	580	
	- Công nghệ kỹ thuật Điện- Điện tử; Công nghệ kỹ thuật nhiệt.	135	580	
	- Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông.	135	580	
	- Công nghệ kỹ thuật môi trường; Công nghệ sinh học; Công nghệ sau thu hoạch.	135	580	

STT	Nội dung	Mức thu học phí		Đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp
		Trung cấp	Cao đẳng	
9	Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội			UBND TP
9.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>			
	- Kế toán.		300	
9.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>			
	- Điện - Điện tử, điện tử công nghiệp, điện tử dân dụng, điện công nghiệp, quản trị mạng, quản trị cơ sở dữ liệu, thiết kế đồ họa, cơ điện tử.	310	350	
	- Công nghệ Ô tô, kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, vận hành và bảo dưỡng thiết bị lạnh, lắp ráp thiết bị lạnh.	330	380	
	- Cơ khí.	500	560	
	- Công nghệ thông tin.		350	
	Đào tạo tại các trung tâm Giáo dục thường xuyên			
	- Kế toán, Điện-Điện tử; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, vận hành và bảo dưỡng thiết bị lạnh, lắp ráp thiết bị lạnh; Công nghệ thông tin.	50		
10	Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội			UBND TP
	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>			
	- Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử.		570	
	- Công nghệ điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông.		580	
	- Tin học ứng dụng; Công nghệ thông tin.		580	
	- Công nghệ kỹ thuật nhiệt		570	
	- Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử		580	
	- Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.		560	
	- Bảo trì và sửa chữa thiết bị nhiệt.	460		
	- Điện công nghiệp và dân dụng	460		
	Đào tạo tại các trung tâm Giáo dục thường xuyên			
	- Bảo trì và sửa chữa thiết bị nhiệt; Điện công nghiệp và dân dụng; Tin học ứng dụng; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; điện công nghiệp.	50		
11	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội			UBND TP
11.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>			
	Hệ Trung cấp 02 năm			
	- Kế toán; Quản trị kinh doanh; Tài chính – ngân hàng.	280		
	Hệ cao đẳng			

STT	Nội dung	Mức thu học phí		Đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp
		Trung cấp	Cao đẳng	
	- Kế toán; Quản trị kinh doanh; Tài chính – ngân hàng; Hệ thống thông tin quản lý.		440	
11.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>			
	Hệ Trung cấp 02 năm			
	- Công nghệ thông tin; Điện công nghiệp và dân dụng; Xây dựng công nghiệp và dân dụng.	280		
	Hệ cao đẳng			
	- Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật Xây dựng; Công nghệ kỹ thuật Điện-Điện tử; Quản lý xây dựng.		520	
12	Trường Cao đẳng Công nghệ và Môi trường Hà Nội			UBND TP
12.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>			
	Hệ 02 năm			
	- Kế toán.	90		
	Hệ 03 năm			
	- Kế toán.	40	300	
12.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>			
	Hệ 02 năm			
	- Trồng trọt bảo vệ thực vật; Chăn nuôi thú y.	90		
	Hệ 03 năm			
	- Du lịch sinh thái; Trồng trọt bảo vệ thực vật; Chăn nuôi thú y; Quản lý đất đai.	40	300	
	- Cơ khí điện; Tin học ứng dụng.	40		
	- Quản trị kinh doanh.		300	
13	Trường Trung cấp nghề Giao thông Công chính Hà Nội			Sở LĐTBXH
	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>			
	Hệ 02, 03 năm			
	- Công nghệ thông tin; Công nghệ Ô tô; Hàn.	60		
14	Trường Trung cấp nghề May và Thời trang Hà Nội			Sở LĐTBXH
	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>			
	Hệ 02 năm , 03 năm			
	- May thời trang.	100		

STT	Nội dung	Mức thu học phí		Đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp
		Trung cấp	Cao đẳng	
15	Trường Trung cấp nghề Tổng hợp Hà Nội			Sở LĐTBXH
	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>			
	Hệ 02 năm, 03 năm			
	- Tin học văn phòng ; Điện công nghiệp; Sơn mài khảm trai; Kỹ thuật điêu khắc gỗ; Hàn.	50		
	Đào tạo tại trung tâm GDTX			
	- Tin học văn phòng ; Điện công nghiệp; Sơn mài khảm trai; Kỹ thuật điêu khắc gỗ; Hàn.	30		
16	Trường Trung cấp nghề Số 1 Hà Nội			Sở LĐTBXH
	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>			
	Hệ 02 năm, 03 năm			
	- Công nghệ thông tin; Điện công nghiệp; Kế toán doanh nghiệp	60		
17	Trường Trung cấp nghề Nấu ăn và Nghiệp vụ Khách sạn Hà Nội			Sở LĐTBXH
	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>			
	Hệ 02 năm, 03 năm			
	- Nấu ăn; Pha chế giải khát.	80		
18	Trường Trung cấp nghề Cơ khí 1 Hà Nội			Sở LĐTBXH
	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>			
	Hệ 02 năm, 03 năm			
	- Hàn; Nguội chế tạo - Công nghệ Ô tô; Cắt gọt kim loại.	30		
	- Tin học văn phòng - sửa chữa máy tính; Điện công nghiệp.	30		
19	Trường Trung cấp Kinh tế Hà Nội			Sở GD&ĐT
	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>			
	Hệ 02 năm			
	- Kế toán hành chính sự nghiệp; Kế toán doanh nghiệp; Tài chính doanh nghiệp.	240		
	Hệ 03 năm			
	- Kế toán hành chính sự nghiệp; Kế toán doanh nghiệp; Tài chính doanh nghiệp.	50		
20	Trường Trung cấp Xây dựng			Sở GD&ĐT
20.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>			

STT	Nội dung	Mức thu học phí		Đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp
		Trung cấp	Cao đẳng	
	Hệ 02 năm			
	- Kế toán xây dựng; Kế toán doanh nghiệp.	150		
	Hệ 03 năm			
	- Kế toán xây dựng; Kế toán doanh nghiệp.	30		
20.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>			
	Hệ 02 năm			
	- Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kiến trúc; Thiết kế đồ họa; Công nghệ kỹ thuật nội thất và điện, nước công trình; Công nghệ kỹ thuật thi công và hạ tầng.	150		
	Hệ 03 năm			
	- Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kiến trúc; Thiết kế đồ họa; Công nghệ kỹ thuật nội thất và điện, nước công trình; Công nghệ kỹ thuật thi công và hạ tầng.	30		
21	Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Đa ngành Sóc Sơn			Sở GD&ĐT
21.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>			
	Hệ 02 năm, 03 năm			
	- Kế toán doanh nghiệp; Chăn nuôi thú y.	125		
21.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>			
	Hệ 02 năm, 03 năm			
	- Điện công nghiệp và dân dụng; Điện tử dân dụng; Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm; Tin học ứng dụng; Bảo trì và sửa chữa ô tô.	125		
22	Trường Trung cấp Kinh tế Tài chính Hà Nội			Sở GD&ĐT
	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>			
	Hệ 02 năm, 03 năm			
	- Kế toán doanh nghiệp; Tài chính ngân hàng; Kinh doanh thương mại và dịch vụ; Pháp luật.	80		
23	Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long			Sở GD&ĐT
23.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>			
	Hệ 02 năm; Hệ 02 năm 03 tháng			
	- Kế toán; Kinh doanh thương mại.	450		
	Hệ 03 năm			
	- Kế toán; Kinh doanh thương mại.	500		
23.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>			
	Hệ 01 năm			
	- Thiết bị thư viện(lớp trên 20 học sinh).	500		

STT	Nội dung	Mức thu học phí		Đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp
		Trung cấp	Cao đẳng	
	- Thiết bị thư viện (lớp dưới 20 học sinh).	1.000		
	Hệ 02 năm; Hệ 02 năm 03 tháng			
	- Du lịch; Tin học; Viễn thông; Điện tử; Điện công nghiệp và dân dụng; Chế biến món ăn.	450		
	Hệ 03 năm			
	- Du lịch; Tin học; Viễn thông; Điện tử; Điện công nghiệp và dân dụng; Chế biến món ăn.	500		
24	Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội			Sở GD&ĐT
24.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>			
	Hệ 01 năm			
	- Thư viện; Văn thư lưu trữ; Thư viện - Thiết bị trường học.	750		
	Hệ 02 năm			
	- Kế toán tin học	450		
	- Thư viện; Văn thư lưu trữ; Thư viện - Thiết bị trường học.	500		
	Hệ 03 năm			
	- Kế toán tin học; Thư viện; Văn thư lưu trữ; Thư viện - Thiết bị trường học.	450		
24.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>			
	Hệ 02 năm			
	- Kỹ thuật máy tính; Quản trị mạng; Tin học quản lý.	490		
	Hệ 03 năm			
	- Kỹ thuật máy tính; Quản trị mạng; Tin học quản lý.	450		

Ghi chú:

- 02 đơn vị: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long (số thứ tự 23) và Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội (số thứ tự 24) là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi phí hoạt động (Phân loại đơn vị theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ).

- 22 đơn vị còn lại là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động (Phân loại đơn vị theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ).

Số: /2015/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Quy định về mức thu học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 14**

(Từ ngày / /2015 đến ngày / /2015)

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Sau khi xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2015 của UBND Thành phố về việc phê duyệt mức thu học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Thành phố Hà Nội từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; Ý kiến phát biểu của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Thành phố Hà Nội từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trẻ em học mầm non, học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh đang học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành

phổ Hà Nội theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp.

2. Các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và Luật Giáo dục nghề nghiệp.

Điều 3. Mức thu học phí đối với các chương trình giáo dục đại trà cấp học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập năm học 2015-2016

Đơn vị: đồng/tháng/học sinh

Bậc học	Vùng	Mức thu năm học 2015-2016
Nhà trẻ; Mẫu giáo; Trung học cơ sở; Trung học phổ thông; Giáo dục thường xuyên cấp THCS; Giáo dục thường xuyên cấp THPT	Thành thị	60.000
	Nông thôn	30.000
	Miền núi	8.000

Điều 4. Mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao

Thực hiện theo Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô.

Điều 5. Mức thu học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập năm học 2015-2016 (Chi tiết theo phụ lục số 01 đính kèm).

Điều 6. Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Trung ương; riêng đối với đối tượng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo chuẩn nghèo, chuẩn cận nghèo của Thành phố.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết, nếu cần bổ sung, điều chỉnh các nội dung, cơ chế chính sách cho phù hợp tình hình thực tế thì Ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp, trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung.

2. Trình Hội đồng nhân dân Thành phố mức thu học phí đối với chương trình giáo dục đại trà cấp học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập và mức thu học phí đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập năm học 2016-2017 và các năm tiếp theo theo đúng quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Trung ương.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Thời gian thực hiện mức thu học phí từ 01/01/2016; thời gian thực hiện các chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ 01/12/2015.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát, việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XIV, kỳ họp thứ 14 thông qua. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết 14/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012 về việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ QH;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu-UBTVQH;
- Các Bộ: GD&ĐT, Tài chính, Tư pháp, LĐTB&XH;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐB Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND TP;
- Các đ/c đại biểu HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp, Lao động Thương binh và Xã hội;
- TT HĐND, UBND quận, huyện, thị xã;
- Công GTĐT Thành phố, trang Web HĐND TP;
- VP: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH HN;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Phụ lục số 01

**MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI TRÀ
CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VÀ TRUNG CẤP THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NĂM HỌC 2015 -2016**

(Kèm theo Nghị quyết

/NQ-HĐND ngày /12 /2015 của Hội đồng nhân dân)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/tháng/sinh viên

STT	Nội dung	Mức thu học phí	
		Trung cấp	Cao đẳng
1	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội		
1.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	- Việt Nam học, công tác xã hội		440
	- Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc		440
1.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	- Công nghệ thông tin		520
2	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội		
	<i>Y dược:</i>		
	- Điều dưỡng; Hộ sinh.	560	640
	- Dược; Xét nghiệm; Hình ảnh y học.		640
	- Dược sỹ.	560	
3	Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông		
	<i>Y dược:</i>		
	- Điều dưỡng; Hộ sinh.	560	640
	- Dược; Xét nghiệm.	560	640
	- Y sĩ.	560	
4	Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc thành phố Hà Nội		
	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	- Cắt gọt kim loại; Hàn.	110	160
	- Công nghệ ô tô.	130	180
	- Điện công nghiệp; Điện tử công nghiệp; Cơ điện tử.	120	170
	- Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính; Vẽ và thiết kế trên máy tính.	120	170
5	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội		
	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	- Biểu diễn nhạc cụ truyền thống; biểu diễn nhạc cụ phương tây; Piano; Violon; Thanh nhạc.	400	430
	- Diễn viên múa.	400	
	- Biên đạo múa.		430
	- Diễn viên kịch - điện ảnh.		430

STT	Nội dung	Mức thu học phí	
		Trung cấp	Cao đẳng
	- Hội họa; Thiết kế thời trang.	400	430
	- Thiết kế đồ họa.		430
	- Văn hóa du lịch; Quản lý văn hóa; Truyền thông đa phương tiện.		430
6	Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội		
6.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	Năm thứ nhất		
	- Kế toán doanh nghiệp; Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ.	250	250
	Năm thứ hai		
	- Kế toán doanh nghiệp; Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ.	300	300
	Năm thứ ba		
	- Kế toán doanh nghiệp; Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ.		350
	Đào tạo tại các trung tâm Giáo dục thường xuyên		
	- Kế toán doanh nghiệp	50	
6.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	Năm thứ nhất		
	- Điện tử công nghiệp; Điện công nghiệp; Kỹ thuật lắp ráp sửa chữa máy tính; Kỹ thuật lắp đặt và điều khiển điện trong công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.	250	250
	- Thiết kế đồ họa; Quản trị dữ liệu cơ sở; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Thiết kế trang Web	250	250
	- Cắt gọt kim loại; Hàn.	250	250
	- Cơ điện tử; Vẽ và thiết kế trên máy tính; Công nghệ ô tô.	250	250
	- Chăm sóc sắc đẹp.	500	580
	Năm thứ hai		
	- Điện tử công nghiệp; Điện công nghiệp; Kỹ thuật lắp ráp sửa chữa máy tính; Kỹ thuật lắp đặt và điều khiển điện trong công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.	300	300
	- Thiết kế đồ họa; Quản trị cơ sở dữ liệu; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Thiết kế trang Web.	300	300
	- Cắt gọt kim loại; Hàn.	350	350
	- Cơ điện tử; Vẽ và thiết kế trên máy tính; Công nghệ ô tô.	300	300
	- Chăm sóc sắc đẹp.	500	580
	Năm thứ ba		
	- Điện tử công nghiệp; Điện công nghiệp; Kỹ thuật lắp ráp sửa chữa máy tính; Kỹ thuật lắp đặt và điều khiển điện trong công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.		350
	- Thiết kế đồ họa; Quản trị cơ sở dữ liệu; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Thiết kế trang Web.		350

STT	Nội dung	Mức thu học phí	
		Trung cấp	Cao đẳng
	- Cắt gọt kim loại; Hàn.		400
	- Cơ điện tử; Vẽ và thiết kế trên máy tính; Công nghệ ô tô.		350
	- Chăm sóc sắc đẹp.		580
	Đào tạo tại các trung tâm Giáo dục thường xuyên		
	- Điện tử công nghiệp; Điện công nghiệp; Kỹ thuật lắp ráp sửa chữa máy tính; Kỹ thuật lắp đặt và điều khiển điện trong công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.	50	
	- Thiết kế đồ họa; Quản trị cơ sở dữ liệu; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Thiết kế trang Web.	50	
	- Cơ khí chế tạo; Hàn.	50	
	- Cơ điện tử; Vẽ và thiết kế trên máy tính; Công nghệ ô tô.	50	
	- Chăm sóc sắc đẹp.	50	
7	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội		
7.1	Học kỳ I		
7.1.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	- Kinh doanh thương mại; Kế toán.		440
	- Quản trị thương mại điện tử; Quản trị kinh doanh.		440
	- Tiếng Anh thương mại; Tiếng Anh; Tiếng Anh Du lịch - Khách sạn.		440
	- Kinh doanh thương mại và Dịch vụ.	385	
	- Kế toán doanh nghiệp.	385	
7.1.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	- Tin học Ứng dụng.		440
	- Quản trị kinh doanh khách sạn; Quản trị chế biến món ăn; Quản trị dịch vụ Du lịch và lữ hành.		440
	- Kỹ thuật chế biến món ăn; Quản lý và kinh doanh khách sạn; Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn.	385	
7.2	Học kỳ II		
7.2.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	- Kinh doanh Thương mại; Kế toán.		490
	- Quản trị Thương mại điện tử; Quản trị kinh doanh.		490
	- Tiếng Anh thương mại; Tiếng Anh; Tiếng Anh Du lịch - Khách sạn.		490
	- Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ.	430	
	- Kế toán doanh nghiệp.	430	
7.2.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		

STT	Nội dung	Mức thu học phí	
		Trung cấp	Cao đẳng
	- Tin học Ứng dụng		490
	- Quản trị kinh doanh khách sạn; Quản trị chế biến món ăn; Quản trị dịch vụ Du lịch và lữ hành		490
	- Kỹ thuật chế biến món ăn; Quản lý và kinh doanh khách sạn; Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn	430	
8	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây		
8.1	Học kỳ I		
8.1.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	- Khoa học cây trồng; Kinh doanh nông nghiệp; Quản lý đất đai.	135	430
	- Kế toán; Tài chính ngân hàng.	135	430
	- Tiếng Anh.	135	430
	- Bảo vệ thực vật; Lâm nghiệp.	135	430
8.1.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	- Chăn nuôi; Dịch vụ thú y.	135	480
	- Tin học ứng dụng; Công nghệ thực phẩm.	135	480
	- Quản trị kinh doanh du lịch, khách sạn.	135	480
	- Công nghệ kỹ thuật Điện- Điện tử; Công nghệ kỹ thuật nhiệt.	135	480
	- Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông.	135	480
	- Công nghệ kỹ thuật môi trường; Công nghệ sinh học; Công nghệ sau thu hoạch.	135	480
8.2	Học kỳ II		
8.2.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	- Khoa học cây trồng; Kinh doanh nông nghiệp; Quản lý đất đai.	135	490
	- Kế toán; Tài chính ngân hàng.	135	490
	- Tiếng Anh.	135	490
	- Bảo vệ thực vật; Lâm nghiệp.	135	490
8.2.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	- Chăn nuôi; Dịch vụ thú y.	135	580
	- Tin học ứng dụng; Công nghệ thực phẩm.	135	580
	- Quản trị kinh doanh du lịch, khách sạn.	135	580
	- Công nghệ kỹ thuật Điện- Điện tử; Công nghệ kỹ thuật nhiệt.	135	580
	- Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông.	135	580
	- Công nghệ kỹ thuật môi trường; Công nghệ sinh học; Công nghệ sau thu hoạch.	135	580
9	Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội		

STT	Nội dung	Mức thu học phí	
		Trung cấp	Cao đẳng
9.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	- Kế toán.		300
9.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	- Điện - Điện tử, điện tử công nghiệp, điện tử dân dụng, điện công nghiệp, quản trị mạng, quản trị cơ sở dữ liệu, thiết kế đồ họa, cơ điện tử.	310	350
	- Công nghệ Ô tô, kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, vận hành và bảo dưỡng thiết bị lạnh, lắp ráp thiết bị lạnh.	330	380
	- Cơ khí.	500	560
	- Công nghệ thông tin.		350
	Đào tạo tại các trung tâm Giáo dục thường xuyên		
	- Kế toán, Điện-Điện tử; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, vận hành và bảo dưỡng thiết bị lạnh, lắp ráp thiết bị lạnh; Công nghệ thông tin.	50	
10	Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội		
	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	- Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử.		570
	- Công nghệ điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông.		580
	- Tin học ứng dụng; Công nghệ thông tin.		580
	- Công nghệ kỹ thuật nhiệt		570
	- Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử		580
	- Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.		560
	- Bảo trì và sửa chữa thiết bị nhiệt.	460	
	- Điện công nghiệp và dân dụng	460	
	Đào tạo tại các trung tâm Giáo dục thường xuyên		
	- Bảo trì và sửa chữa thiết bị nhiệt; Điện công nghiệp và dân dụng; Tin học ứng dụng; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; điện công nghiệp.	50	
11	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội		
11.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	Hệ Trung cấp 02 năm		
	- Kế toán; Quản trị kinh doanh; Tài chính – ngân hàng.	280	
	Hệ cao đẳng		
	- Kế toán; Quản trị kinh doanh; Tài chính – ngân hàng; Hệ thống thông tin quản lý.		440
11.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	Hệ Trung cấp 02 năm		

STT	Nội dung	Mức thu học phí	
		Trung cấp	Cao đẳng
	- Công nghệ thông tin; Điện công nghiệp và dân dụng; Xây dựng công nghiệp và dân dụng.	280	
	Hệ cao đẳng		
	- Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật Xây dựng; Công nghệ kỹ thuật Điện-Điện tử; Quản lý xây dựng.		520
12	Trường Cao đẳng Công nghệ và Môi trường Hà Nội		
12.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	Hệ 02 năm		
	- Kế toán.	90	
	Hệ 03 năm		
	- Kế toán.	40	300
12.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	Hệ 02 năm		
	- Trồng trọt bảo vệ thực vật; Chăn nuôi thú y.	90	
	Hệ 03 năm		
	- Du lịch sinh thái; Trồng trọt bảo vệ thực vật; Chăn nuôi thú y; Quản lý đất đai.	40	300
	- Cơ khí điện; Tin học ứng dụng.	40	
	- Quản trị kinh doanh.		300
13	Trường Trung cấp nghề Giao thông Công chính Hà Nội		
	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	Hệ 02, 03 năm		
	- Công nghệ thông tin; Công nghệ Ô tô; Hàn.	60	
14	Trường Trung cấp nghề May và Thời trang Hà Nội		
	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	Hệ 02 năm , 03 năm		
	- May thời trang.	100	
15	Trường Trung cấp nghề Tổng hợp Hà Nội		
	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		

STT	Nội dung	Mức thu học phí	
		Trung cấp	Cao đẳng
	Hệ 02 năm, 03 năm		
	- Tin học văn phòng ; Điện công nghiệp; Sơn mài khảm trai; Kỹ thuật điêu khắc gỗ; Hàn.	50	
	Đào tạo tại trung tâm GDTX		
	- Tin học văn phòng ; Điện công nghiệp; Sơn mài khảm trai; Kỹ thuật điêu khắc gỗ; Hàn.	30	
16	Trường Trung cấp nghề Số 1 Hà Nội		
	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	Hệ 02 năm, 03 năm		
	- Công nghệ thông tin; Điện công nghiệp; Kế toán doanh nghiệp.	60	
17	Trường Trung cấp nghề Nấu ăn và Nghiệp vụ Khách sạn Hà Nội		
	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	Hệ 02 năm, 03 năm		
	- Nấu ăn; Pha chế giải khát.	80	
18	Trường Trung cấp nghề Cơ khí 1 Hà Nội		
	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	Hệ 02 năm, 03 năm		
	- Hàn; Nguội chế tạo - Công nghệ Ô tô; Cắt gọt kim loại.	30	
	- Tin học văn phòng - sửa chữa máy tính; Điện công nghiệp.	30	
19	Trường Trung cấp Kinh tế Hà Nội		
	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	Hệ 02 năm		
	- Kế toán hành chính sự nghiệp; Kế toán doanh nghiệp; Tài chính doanh nghiệp.	240	
	Hệ 03 năm		
	- Kế toán hành chính sự nghiệp; Kế toán doanh nghiệp; Tài chính doanh nghiệp.	50	
20	Trường Trung cấp Xây dựng		
20.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	Hệ 02 năm		
	- Kế toán xây dựng; Kế toán doanh nghiệp.	150	
	Hệ 03 năm		
	- Kế toán xây dựng; Kế toán doanh nghiệp.	30	

STT	Nội dung	Mức thu học phí	
		Trung cấp	Cao đẳng
20.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	Hệ 02 năm		
	- Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kiến trúc; Thiết kế đồ họa; Công nghệ kỹ thuật nội thất và điện, nước công trình; Công nghệ kỹ thuật thi công và hạ tầng.	150	
	Hệ 03 năm		
	- Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kiến trúc; Thiết kế đồ họa; Công nghệ kỹ thuật nội thất và điện, nước công trình; Công nghệ kỹ thuật thi công và hạ tầng.	30	
21	Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Đa ngành Sóc Sơn		
21.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	Hệ 02 năm, 03 năm		
	- Kế toán doanh nghiệp; Chăn nuôi thú y.	125	
21.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	Hệ 02 năm, 03 năm		
	- Điện công nghiệp và dân dụng; Điện tử dân dụng; Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm; Tin học ứng dụng; Bảo trì và sửa chữa ô tô.	125	
22	Trường Trung cấp Kinh tế Tài chính Hà Nội		
	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	Hệ 02 năm, 03 năm		
	- Kế toán doanh nghiệp; Tài chính ngân hàng; Kinh doanh thương mại và dịch vụ; Pháp luật.	80	
23	Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long		
23.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	Hệ 02 năm; Hệ 02 năm 03 tháng		
	- Kế toán; Kinh doanh thương mại.	450	
	Hệ 03 năm		
	- Kế toán; Kinh doanh thương mại.	500	
23.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	Hệ 01 năm		
	- Thiết bị thư viện (lớp trên 20 học sinh).	500	
	- Thiết bị thư viện (lớp dưới 20 học sinh).	1.000	
	Hệ 02 năm; Hệ 02 năm 03 tháng		
	- Du lịch; Tin học; Viễn thông; Điện tử; Điện công nghiệp và dân dụng; Chế biến món ăn.	450	
	Hệ 03 năm		

STT	Nội dung	Mức thu học phí	
		Trung cấp	Cao đẳng
	- Du lịch; Tin học; Viễn thông; Điện tử; Điện công nghiệp và dân dụng; Chế biến món ăn.	500	
24	Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội		
24.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	Hệ 01 năm		
	- Thư viện; Văn thư lưu trữ; Thư viện - Thiết bị trường học.	750	
	Hệ 02 năm		
	- Kế toán tin học	450	
	- Thư viện; Văn thư lưu trữ; Thư viện - Thiết bị trường học.	500	
	Hệ 03 năm		
	- Kế toán tin học; Thư viện; Văn thư lưu trữ; Thư viện - Thiết bị trường học.	450	
24.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	Hệ 02 năm		
	- Kỹ thuật máy tính; Quản trị mạng; Tin học quản lý.	490	
	Hệ 03 năm		
	- Kỹ thuật máy tính; Quản trị mạng; Tin học quản lý.	450	

Ghi chú:

- 02 đơn vị: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long (số thứ tự 23) và Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội (số thứ tự 24) là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi phí hoạt động (Phân loại đơn vị theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ).

- 22 đơn vị còn lại là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động (Phân loại đơn vị theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ).